

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Minh P, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu N, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1968.

Đại diện theo uỷ quyền của anh X: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Khu M, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phùng Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu M xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

+ Chị Hoàng Thị Lan C, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khu N, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hiền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh P, chị C, chị H, anh X (anh X do chị Hậu đại diện theo ủy quyền) và ông T và bà H (Bà H do ông T đại diện theo ủy quyền) thống nhất: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “giấy bán đất thổ cư” ngày 07/7/2003 mà anh P và anh X đã ký kết với nhau là có hiệu lực pháp luật. Diện tích đất 66m² (trong tổng số 168m² đất mà các bên đã làm thủ tục mua bán nhưng đến nay anh P chưa thực hiện được việc chuyển nhượng) nay thống nhất giao cho anh P, chị C sử dụng một phần và được điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đất nhà anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tính từ điểm góc tường phía sau nhà anh P giáp với đất ông T (điểm 11) kéo dài đến điểm vuông góc với nhà ông T (Điểm 8) có chiều dài 2,1m. Tính từ điểm vuông góc với nhà ông T (điểm 8) kéo dọc theo ranh giới giáp đất nhà ông T đến điểm tiếp giáp đất vườn nhà ông T (điểm 7) có chiều dài 8,9m. Tính từ điểm góc tường phía sau nhà ông T (điểm 9) kéo thẳng vuông góc đến (điểm 08) giáp đất giao cho anh P có chiều dài là 0,7m

+ Phía Đông giáp đất màu do UBND xã S quản lý. Tính từ điểm tiếp giáp đất vườn nhà ông T (điểm 7), kéo dài đến điểm tiếp giáp đất hộ anh T (điểm 13) có chiều dài 4m.

+ Phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Văn T. Tính từ điểm tiếp giáp đất hộ ông T (điểm 13) kéo dọc theo ranh giới giáp đất ông T đến điểm tiếp giáp phần đất anh P đang sử dụng (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) - điểm vuông góc với góc nhà anh P (điểm 12) có chiều dài 11m.

+ Phía Tây giáp phần đất của anh P, chị C (đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2005, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tính từ điểm vuông góc với góc nhà anh P (Điểm 12) kéo ngang giáp theo phần đất nhà anh P đang được quyền sử dụng đến điểm góc nhà anh P giáp với đất nhà ông T (Điểm 11) có chiều dài 6m.

Tổng diện tích anh P được giao sử dụng là 48,2m² (là đất vườn) trong tổng diện tích đất 364,6m² còn lại của ông T, và bà H đã được UBND huyện S (nay là UBND huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 800953 ngày 12/12/2000 tại khu 4 (nay là khu M) xã S, huyện C, Phú Thọ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T). Việc thanh toán tiền đã được thực hiện xong như trong “giấy bán đất thổ cư” ngày 07/7/2003, các bên không phải thanh toán cho nhau khoản tiền nào khác.

Anh P và chị C có nghĩa vụ tự làm các thủ tục để đề nghị cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh thông tin tại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cả nghĩa vụ nộp các loại thuế phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Ông T, bà H có nghĩa vụ làm các thủ tục để điều chỉnh thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S cấp số R 800953 ngày 12/12/2000 (mang tên hộ ông Nguyễn Văn T) sau khi chuyển diện tích 48,2m² đất vườn giao cho anh P, chị C sử dụng.

Về án phí: Anh Hà Minh P tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003696 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn lại cho anh Hà Minh P 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan